TÒA PHÚC THẨM **TAND TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2025/HC-PT
Ngày: 13/10/2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Ông Nguyễn Tất Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 130/2025/TLPT-HC ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 197/2024/HC-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4068/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Minh N1; địa chỉ: Số A, Tổ dân phố H, phường T, Thành phố Hà Nội (trước đây là: Số A, Tổ dân phố H, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Minh N1: Ông Nguyễn Xuân N; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** UBND và Chủ tịch UBND phường T, Thành phố Hà Nội *(Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND, Chủ tịch UBND quận B và UBND phường T, quận B, Thành phố Hà Nội)*; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Người khởi kiện ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Minh N1 trình bày:***

Ngày 23/01/2014, UBND quận B ban hành Quyết định số 905/QĐ-UBND và Quyết định số 911/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với gia đình ông bà, tiếp đó ngày 20/11/ 2014 UBND quận B đã ban hành Quyết định số 3700/QĐ-UBND và Quyết định số 3738/QĐ-UBND phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết. Tuy nhiên các quyết định nêu trên không đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông bà do đó ông, bà và gia đình đã khiếu nại các quyết định này lên UBND quận B và UBND Thành phố H. Ngày 11/12/2015 Chủ tịch UBND Thành phố H đã ban hành Quyết định số 6807/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của gia đình ông, bà. Quyết định số 6807/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố H đã xác định thời điểm gia đình ông bà tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang xây dựng nhà ở sau ngày 15/10/1993, trong đó có 74,5m^2 đất có công trình xây dựng sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, diện tích còn lại được xây sau ngày 01/7/2004. Do đó Quyết định 6807/QĐ-UBND của chủ tịch UBND Thành phố H không chấp nhận đề nghị của hộ gia đình ông, bà về việc được bồi thường 100% theo đơn giá đất ở, công trình xây dựng và xin được giao thêm đất tái định cư. Quyết định số 6807/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 nêu trên không căn cứ vào các tài liệu chứng cứ khách quan về thời điểm bắt đầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất của hộ gia đình ông bà quá trình sử dụng đất cũng như tình hình ăn ở thực tế của gia đình tại địa phương vì vậy đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông, bà.

Nay ông N và bà N1 khởi kiện Quyết định số 6807/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố H về việc giải quyết đơn khiếu nại cho ông bà. Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 6807/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố H; Thực hiện bồi thường đất theo giá đất ở, bố trí tái định cư và những khoản hỗ trợ khác khi thu hồi đất cho gia đình ông, bà.

**** Đại diện theo ủy quyền người bị kiện nêu quan điểm Chủ tịch UBND Thành phố về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân N và Nguyễn Thị Minh N1 như sau:***

Việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Thiện B (bố đẻ ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Minh N1): Tại phương án giao đất nông nghiệp chi tiết cho hộ gia đình, cá nhân theo Nghị định số 64/CP ngày 29/7/1993 của Chính phủ, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B, thể hiện: Hộ gia đình ông B có 05 nhân khẩu được giao 1420m^2, diện tích đang sử dụng 1861m^2.

Ngày 19/9/2000, UBND huyện T (trước đây) cấp GCN QSDĐ nông nghiệp cho hộ gia đình ông B, diện tích cấp là 1445m^2. Tại tờ bản đồ số 30 xã T do Xí nghiệp trắc địa 104 đo vẽ năm 1994, được Giám đốc Sở địa chính ký xác nhận ngày 26/11/1996, thể hiện: Diện tích 425m^2 đất hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B sử dụng bị thu hồi để thực hiện Dự án xây dựng Đề pô xe điện và Dự án đường dẫn vào Đề pô thuộc tuyến đường sắt đô thị thí điểm (đoạn Nhổn - ga H) thuộc một phần thửa đất số 25, diện tích 425m^2 có nguồn gốc là đất nông nghiệp giao theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ cho hộ gia đình ông B, được UBND huyện T cấp GCN QSDĐ nông nghiệp ngày 19/9/2000. Trong quá trình sử dụng, ông Nguyễn Thiện B đã cho các con, không có giấy tờ cho tặng, cho không thông qua cấp có thẩm quyền. Ông Nguyễn Thiện B và các con tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang xây dựng nhà ở, UBND phường T xác nhận có 74,5m^2 đất có công trình xây dựng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước 01/7/2004, diện tích xây dựng còn lại được xác định sau ngày 01/7/2004. Tại thời điểm GPMB, hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B và các con ăn ở thường xuyên, ổn định tại vị trí GPMB, không còn đất ở nào khác trên địa bàn phường.

Về phương án bồi thường, hỗ trợ :

+ Đối với Dự án đường dẫn vào Đề pô xe điện: Ngày 20/11/2014, UBND quận B có Quyết định số 3700/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ ông Nguyễn Thiện B, Nguyễn Xuân N, Nguyễn Thị Minh N1, với tổng số tiền BTHT là: 256.111.480 đồng;

+ Đối với Dự án Đề pô xe điện: Ngày 20/11/2014, UBND quận B có Quyết định số 3738/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ ông Nguyễn Thiện B và các con, bà Nguyễn Thị T, với tổng số tiền BTHT là 324.771.630 đồng.

Về giao đất tái định cư bổ sung: Ngày 22/12/2014, UBND quận B có Quyết định số 4206/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Xuân N: diện tích giao đất tái định cư 40m^2, tiền sử dụng đất tái định cư: 40m^2 x 9.331.000 đồng/m^2 x 2=746.480.0000 đồng.

Về khiếu nại của ông Nguyễn Thiện B và các con: Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND quận B phê duyệt tại Quyết định số 3700/QĐ-UBND, Quyết định số 3738/QĐ-UBND ngày 20/11/2014, ông Nguyễn Thiện B và các con có đơn khiếu nại gửi UBND quận B. Ngày 30/01/2015, Chủ tịch UBND quận B có Quyết định số 228/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, nội dung: "Ông Nguyễn Thiện B và các con đề nghị được bồi thường 100% đơn giá đất ở với diện tích đất bị thu hồi, được bồi thường 100% đơn giá xây dựng công trình xây dựng, được giao 180m^2 đất tái định cư, giá đất tái định cư quá cao và đề nghị xem lại là không có cơ sở". Ông B và các con không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận B và tiếp tục có đơn gửi UBND Thành phố.

Ngày 11/12/2015, Chủ tịch UBND Thành phố có Quyết định số 6807/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thiện B và các con, với nội dung: "Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B cùng các con là các ông, bà: Nguyễn Thiện V, Nguyễn Xuân N, Nguyễn Thị Minh N1 và bà Nguyễn Thị T được UBND huyện T (trước đây) phê duyệt tại Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 23/01/2014 và được Ủy ban nhân dân quận B phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 3738/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 (đối với Dự án xây dựng Đề pô xe điện); Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B cùng các con được Ủy ban nhân dân huyện T trước đây phê duyệt tại Quyết định số 9111/QĐ-UBND ngày 23/01/2014, UBND quận B phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 (đối với Dự án xây dựng đường dẫn vào Đề pô xe điện), trong đó: Bồi thường đất nông nghiệp theo đơn giá 201.600 đồng/m^2, hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường cho trường hợp nhà, công trình xây dựng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2014, bố trí 02 xuất tái định cư, diện tích mỗi xuất 40m^2 (trong đó có 40m^2 x hệ số K=1,2 và 40m^2 x hệ số K=2), áp dụng giá đất tái định cư 9.331.0000 đồng/m^2 cho hộ ông Nguyễn Thiện B và các con là đúng quy định tại khoản 3 Điều 34 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009, chính sách hỗ trợ đặc thù được Uỷ ban nhân dân Thành phố chấp thuận tại Văn bản số 4957/UBND-TNMT ngày 07/7/2014, Văn bản số 8922/UBND-TNMT ngày 18/11/2014 và Quyết định số 4145/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Do vậy, đề nghị của ông Nguyễn Thiện B và các con về việc được bồi thường 100% đơn giá đất ở 100% theo đơn giá công trình xây dựng mới và được bố trí 180m^2 đất tái định cư, xem xét lại giá đất tái định cư 9.331.000 đồng là quá cao là không có cơ sở và không được chấp nhận.

Tuy nhiên, việc Ủy ban nhân quận B có Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 trong đó phê duyệt diện tích 40m^2 đất tái định cư (hệ số K=2) cho hộ ông Nguyễn Xuân N (con ông Nguyễn Thiện B) là không đúng hồ sơ quản lý đất đai (ông Nguyễn Thiện B là chủ sử dụng đất theo hồ sơ địa chính) và nội dung Văn bản số 8922/UBND-TNMT ngày 18/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đồng ý phê duyệt bổ sung tái định cư cho 03 hộ gia đình thuộc Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm Hà Nội (đoạn N - G Hà Nội), quận B trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B.

Từ những lý do trên, Quyết định:

Điều 1. Đồng ý với nội dung Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thiện B và các con...

Điều 2: Giao UBND quận B tổ chức làm việc với các thành viên trong hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B về việc thống nhất cho hộ ông Nguyễn Xuân N đứng tên

trên phương án phê duyệt đất tái định cư (40m^2 x hệ số K=2) tại Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND quận B. Trường hợp các thành viên trong gia đình ông Nguyễn Thiện B không thống nhất, UBND quận B quyết định điều chỉnh Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 theo hướng: phê duyệt đất tái định cư cho hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B và con là các ông, bà Nguyễn Thiện V, Nguyễn Xuân N, Nguyễn Thị Minh N1.

Từ những thông tin nêu trên, Chủ tịch UBND Thành phố đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thống nhất quan điểm giải quyết của Chủ tịch UBND Thành phố tại Quyết định số 6807/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 và xin vắng mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Chủ tịch và UBND quận B trình bày: Ông Nguyễn Thiện B, ông Nguyễn Thiện V, ông Nguyễn Xuân N, bà Nguyễn Thị Minh N1, bà Nguyễn Thị T đang sử dụng 467,8m^2 đất nằm trong chỉ giới GPMB để thực hiện Dự án xây dựng Đề pô và Dự án xây dựng đường dẫn vào Đề pô thuộc tuyến đường sắt đô thị thí điểm (đoạn Nhổn - ga H); Trong đó có 42,8m^2 đất lưu không, mương đường do UBND phường T quản lý và 425m^2 đất nông nghiệp hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B được giao theo Nghị định 64/CP đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất nông nghiệp số 1200/QSDĐ ngày 19/9/2000. Trong quá trình sử dụng ông B có chuyển nhượng 51,8m^2 đất nông nghiệp cho bà Nguyễn Thị T nhưng không làm thủ tục tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là không thực hiện theo các quy định của pháp luật về chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đối với diện tích đất nông nghiệp các hộ đang sử dụng bị thu hồi được bồi thường theo giá đất nông nghiệp và đúng quy định tại Điều 5 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Mức bồi thường đất nông nghiệp 201.600 đồng/m^2 là đúng theo Văn bản số 4957/UBND-TNMT ngày 07/7/2014 của UBND Thành phố về chính sách bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất GPMB khu Đề pô và đường dẫn thuộc dự án tuyến đường sắt thí điểm Hà Nội (đoạn N - ga Hà Nội). Trong quá trình sử dụng đất các hộ gia đình tự ý xây dựng công trình trái phép trên đất nông nghiệp. Do đó, đối với diện tích 74,5m^2 đất nông nghiệp có công trình xây dựng từ sau 15/10/1993 đến trước 01/7/2004, có văn bản xử lý vi phạm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (theo xác nhận của UBND phường T) được hỗ trợ bằng 30% giá đất ở đối với diện tích đất có nhà ở 60,0m^2 và hỗ trợ 20% giá đất ở đối với diện tích đất có nhà ở 14,5m^2 theo đơn giá đất được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 4145/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND Thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh giá đất ở làm căn cứ bồi thường hỗ trợ và thu tiền sử dụng đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường sắt thí điểm; công trình xây dựng được hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường đơn giá công

trình xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố H là đúng theo Văn bản số 4957/UBND-TNMT ngày 07/7/2014 của UBND Thành phố. Đối với công trình các hộ gia đình xây dựng sau ngày 01/7/2004 (theo xác nhận của UBND phường T) được hỗ trợ bằng 10% mức bồi thường đơn giá công trình xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố H. Theo phiếu xác nhận của UBND phường T ngày 25/11/2013 hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B và các con ăn ở thường xuyên, ổn định tại nơi GPMB, không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn phường. Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố thì hộ gia đình ông B được mua 01 căn hộ chung cư có diện tích nhỏ nhất trong quỹ nhà tái định cư của thành phố hoặc giao một suất đất tái định cư tối thiểu ($30m^2$). Song UBND quận đã trình và được UBND Thành phố chấp thuận giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B một suất đất tái định cư $40m^2$ hệ số thu tiền sử dụng đất K=1,2 tại Văn bản số 4957/UBND-TNMT ngày 07/7/2014 và giao cho ông Nguyễn Xuân N một suất đất tái định cư $40,0m^2$, hệ số thu tiền sử dụng đất K=2,0 phải trả tiền ngay một lần tại Văn bản số 8922/UBND-TNMT ngày 18/11/2014 là đã có sự quan tâm tạo điều kiện thuận lợi của quận và thành phố đối với gia đình.

Vị trí đất tái định cư hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B thuộc Dự án xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất tại khu đô thị X và phải nộp tiền sử dụng đất 9.331.000 đồng/m^2. Giá tiền sử dụng đất hộ gia đình phải nộp đã được xây dựng, phê duyệt tại Quyết định số 4145/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND Thành phố theo đúng quy định của pháp luật. Theo xác nhận của Công an phường T ngày 20/8/2014 hộ gia đình ông Nguyễn Thiện V có 04 nhân khẩu ăn ở tại địa chỉ GPMB phải di chuyển chỗ ở là Nguyễn Thiện V, vợ Đặng Thị Kim D, hai con là Nguyễn Thiện N2 sinh năm 2012 và Nguyễn Thiện T1 sinh năm 2013; Song phương án BTHT mới tính hỗ trợ ổn định đời sống cho 01 khẩu là ông Nguyễn Thiện V. Như vậy, còn thiếu 03 khẩu là Đặng Thị Kim D, Nguyễn Thiện N2, Nguyễn Thiện T1 được hỗ trợ để ổn định đời sống bằng tiền theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố H.

Về quá trình giải quyết khiếu nại: Ông Nguyễn Thiện B và các con Nguyễn Thiện V, Nguyễn Xuân N, Nguyễn Thị Minh N1 khiếu nại Quyết định số 3700/QĐ-UBND, Quyết định số 3738/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND quận B về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B, ông Nguyễn Thiện V, ông Nguyễn Xuân N, bà Nguyễn Thị Minh N1, bà Nguyễn Thị T tại Dự án xây dựng Đề pô và Dự án xây dựng đường dẫn vào Đề pô thuộc tuyến đường sắt đô thị thí điểm (đoạn N3 - ga H) và Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Xuân N tại Dự án xây

dựng đường dẫn vào Đề pô. Ngày 30/01/2015, Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 228/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thiện B và các con Nguyễn Thiện V, Nguyễn Xuân N, Nguyễn Thị Minh N1, trong đó: Giữ nguyên Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND quận về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với Quyết định 4206/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND quận B. Ngày 11/12/2015, Chủ tịch UBND Thành phố H đã có Quyết định số 6807/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung: Đồng ý với nội dung Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của Chủ tịch UBND quận B. Quan điểm của UBND quận B: Chủ tịch UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 6807/QĐ- UBND ngày 11/12/2015 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thiện B và các con là các ông, bà: Nguyễn Thiện V, Nguyễn Xuân N, Nguyễn Thị Minh N1 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thiện V và xin vắng mặt tại phiên tòa.

- UBND phường T, quận B trình bày: Xác định tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý với ý kiến, quan điểm của đại diện UBND quận B và xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Những người liên quan trong hộ gia đình cùng thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Thiện B là người chủ sử dụng thửa đất số 25 tờ bản đồ 30 diện tích 425m^2 có 5 hộ gia đình, tổng cộng 17 người. Trong đó hộ gia đình ông Nguyễn Xuân N gồm 04 người; gia đình bà Nguyễn Thị Minh N1 gồm 02 người. Mảnh đất này gia đình được giao quyền sử dụng năm 1981 tại khu Đ. Năm 1990 hộ gia đình ông B đã cải tạo khoảng 320m^2 để sinh hoạt, chăn nuôi. Năm 1998 ông B giao quyền sử dụng một phần đất cho các con. Nhà nước thông báo thu hồi đất thực hiện dự án, ngày 23/01/2014 UBND huyện T ban hành Quyết định số 905/QĐ-UBND và số 911/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ chi tiết đối với hộ ông Nguyễn Thiện B và các con. Tiếp đó ngày 20/11/2014, UBND quận B ban hành Quyết định số 3700/QĐ-UBND và 3738/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường hỗ trợ chi tiết đối với hộ ông Nguyễn Thiện B và các con. Tuy nhiên các quyết định trên không đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho gia đình nên đã có khiếu nại đến UBND quận B và UBND Thành phố H.

Ngày 11/12/2015 Chủ tịch UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 6807/QĐ-UBND xác định thời điểm gia đình ông B tự chuyển đổi mục đích sử dụng sau ngày 15/10/1993 trong đó có 74,5m^2 đất xây dựng sau ngày 15/10/1993 trước ngày 01/7/2004. Quyết định số 6807/QĐ-UBND không chấp nhận đề nghị của hộ gia đình được bồi thường 100% theo đơn giá đất ở nên những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 6807/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 Chủ tịch UBND Thành phố H và làm lại phương án bồi thường.

Tại Bản án sơ thẩm số 197/2024/HC-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Minh N1 đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định 6807/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại, phần có liên quan đến hộ gia đình ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Minh N1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/7/2024 ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Minh N1 kháng cáo đề nghị xem xét lại diện tích bồi thường, giá đất bồi thường, tái định cư, giá mua tái định cư.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo như đã trình bày trong đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Người bị kiện có đơn vắng mặt tại cấp phúc thẩm và trình bày trong đơn là giữ nguyên các lời khai tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Kiểm sát viên nêu lại toàn bộ diễn biến quá trình khiếu nại, khởi kiện của ông N và việc giải quyết khiếu nại của chính quyền các cấp, quá trình giải quyết vụ án và kết luận: Đơn kháng cáo của ông N nằm trong thời hạn luật định, nội dung của kháng cáo là không có căn cứ, không có cơ sở pháp lý. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt những người này vẫn đảm bảo đúng quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

UBND huyện T có Quyết định số 808/QĐUBND và Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 22/01/2014 về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Thiện B, trong đó hộ ông Nguyễn Xuân N bị thu hồi tại Dự án Đề pô Xe điện là: 48,8m^2 trên tổng diện tích sử dụng là 122m^2 và bà Nguyễn Thị Minh N1 thu hồi 48,8m^2 trên tổng diện tích sử dụng là 120,1m^2. Thu hồi đất tại Dự án đường dẫn vào Đề pô xe điện trong đó hộ ông Nguyễn Xuân N là 73,2m^2 trên tổng diện tích sử dụng là 122m^2 và bà Nguyễn Thị Minh N1 thu hồi 71,3m^2 trên tổng diện tích sử dụng là 120,1m^2. Nguồn gốc đất của hộ ông Nguyễn Thiện B (bố ông N, bà N1) là đất nông nghiệp đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 842118 QSDĐ ngày 19/9/2000.

UBND huyện T (trước đây) cấp CGNQSDĐ nông nghiệp cho hộ gia đình ông B, diện tích cấp là 1445m^2. Tại tờ bản đồ số 30 xã T do Xí nghiệp trắc địa 104 đo vẽ năm 1994, được Giám đốc Sở địa chính ký xác nhận ngày 26/11/1996, thể hiện: Diện tích 425m^2 đất hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B sử dụng bị thu hồi để thực hiện Dự án xây dựng Đề pô xe điện và Dự án đường dẫn vào Đề pô thuộc tuyến đường sắt đô thị thí điểm (đoạn Nhổn – ga H) thuộc một phần thửa đất số 25, diện tích 425m^2 có nguồn gốc là đất nông nghiệp giao theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ cho hộ gia đình ông B, được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ nông nghiệp ngày 19/9/2000. Trong quá trình sử dụng, ông Nguyễn Thiện B đã cho các con, không có giấy tờ cho tặng, không thông qua các cấp có thẩm quyền. Ông Nguyễn Thiện B và các con trong đó có ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Minh N1 tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang xây dựng nhà ở, UBND phường T xác nhận có 74,5m^2 đất có công trình xây dựng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, diện tích xây dựng còn lại được xác định sau ngày 01/7/2004. Tại thời điểm GPMB, hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B và các con ăn ở thường xuyên, ổn định tại vị trí GPMB, không còn đất ở nào khác trên địa bàn phương.

Ngày 20/11/2014, UBND quận B có Quyết định số 3738/QĐ-UBND và Quyết định số 3700/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ ông Nguyễn Thiện B và các con trong đó có hộ ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Minh N1 với tổng số tiền BTHT là 324.771.630 đồng. Căn cứ vào biên bản điều tra, xác minh hiện trạng ngày 06/6/2011 thì diện tích bị thu hồi của gia đình ông N tại hai dự án là 122m^2, tài sản trên đất là 2 nhà 1 tầng, sân bê tông, bể phốt, giếng khoan, công tơ điện; diện tích bị thu hồi của gia đình bà N1 tại hai dự án là 120,1m^2, tài sản trên đất là 2 nhà 1 tầng, sân bê tông, bể phốt, giếng khoan, công tơ điện. Qua đó việc bồi thường đối với ông N, bà N1 là đúng chính sách quy định tại các điều 4, 7, 34, 45 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND Thành phố H, khoản 3 Điều 14 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố H. Không đồng ý với phương án bồi

thường, hỗ trợ được UBND quận B phê duyệt tại Quyết định số 3700, 3738/QĐ-UBND ngày 20/11/2014, ông Nguyễn Thiện B và các con (trong đó có ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Minh N1) có đơn khiếu nại gửi UBND quận B. Ngày 30/01/2015, UBND quận B có Quyết định số 228/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, nội dung: "Ông Nguyễn Thiện B và các con đề nghị được bồi thường 100% đơn giá đất ở với diện tích đất bị thu hồi, được bồi thường 100% đơn giá xây dựng công trình xây dựng, được giao 180m^2 đất tái định cư, giá đất tái định cư quá cao và đề nghị xem lại là không có cơ sở". Ông N và bà N1 không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận B và tiếp tục có đơn gửi UBND Thành phố. Ngày 11/12/2015, Chủ tịch UBND Thành phố có Quyết định số 6807/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thiện B và các con (trong đó có ông Nguyễn Xuân N, bà Nguyễn Thị Minh N1), với nội dung: "Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B cùng các ông, bà Nguyễn Thiện V, Nguyễn Xuân N, Nguyễn Thị Minh N1 và bà Nguyễn Thị T được UBND huyện T (trước đây) phê duyệt tại Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 23/01/2014 và được UBND quận B phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 3738/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 (Đối với dự án Đề pô xe điện); Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Thiện B cùng các con được UBND huyện T (trước đây) phê duyệt tại Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 23/01/2014, UBND quận B phê duyệt bổ sung tại Quyết định 3700/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 (Đối với Dự án xây dựng đường dẫn vào Đề pô xe điện), trong đó: bồi thường đất nông nghiệp theo đơn giá 201.600 đồng/m^2, hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường cho trường hợp nhà, công trình xây dựng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2014, bố trí 02 xuất tái định cư, diện tích mỗi xuất 40m^2 (trong đó 40m^2 x hệ số K=1,2 và 40m^2 x hệ số K=2), áp dụng giá đất tái định cư 9.331.000đồng/m^2 cho hộ ông Nguyễn Thiện B và các con là đúng quy định tại khoản 3 Điều 34 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009, chính sách hỗ trợ đặc thù được UBND Thành phố chấp thuận tại Văn bản số 4957/UBND-TNMT ngày 07/7/2014, Văn bản số 8922/UBND-TNMT ngày 18/11/2014 và Quyết định số 4145/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND Thành phố. Do vậy, đề nghị của ông Nguyễn Thiện B và các con về việc bồi thường 100% đơn giá đất ở, 100% theo đơn giá công trình xây dựng mới và được bố trí 180m^2 đất tái định cư, xem xét lại giá đất tái định cư 9.331.000đồng/m^2 là quá cao là không có cơ sở và không được chấp nhận. Do vậy, kháng cáo của ông N về việc được bồi thường 100% theo đơn giá đất ở, 100% đơn giá công trình xây dựng và bố trí xuất tái định cư là không có căn cứ.

Quan điểm của Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Minh N1; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Minh N1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Minh N1; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 197/2024/HC-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Minh N1 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận ông N đã nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0023981 ngày 14/10/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; bà Nguyễn Thị Minh N1 đã nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0076643 ngày 11/11/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Điều Văn Hằng